

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2012



Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN		100		2,238,759,943,664	1,758,324,324,568
I. Tiền và các khoản tương đương tiền		110	V.1	78,059,676,605	329,424,956,877
1.	Tiền	111		78,059,676,605	312,924,956,877
2.	Các khoản tương đương tiền	112		-	16,500,000,000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn		120		512,716,296,390	219,548,828
1.	Đầu tư ngắn hạn	121	V.2	512,716,296,390	219,548,828
2.	Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn		130		627,658,762,161	563,618,091,194
1.	Phải thu khách hàng	131	V.3	508,026,298,895	485,307,767,483
2.	Trả trước cho người bán	132	V.4	114,503,276,484	74,542,924,504
3.	Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4.	Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5.	Các khoản phải thu khác	135	V.5	7,683,176,127	6,321,388,552
6.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	V.6	(2,553,989,345)	(2,553,989,345)
IV. Hàng tồn kho		140		947,187,480,046	823,256,429,259
1.	Hàng tồn kho	141	V.7	1,010,600,314,678	868,752,372,217
2.	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149	V.8	(63,412,834,632)	(45,495,942,958)
V. Tài sản ngắn hạn khác		150		73,137,728,462	41,805,298,410
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.9	3,008,960,089	1,211,599,259
2.	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		26,071,188,128	12,668,355,903
3.	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.22	460,792,323	608,007,853
4.	Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
5.	Tài sản ngắn hạn khác	158	V.10	43,596,787,922	27,317,335,395



CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		749,307,185,609	649,295,263,719
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		628,589,899,051	565,799,074,719
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.11	498,933,612,246	488,277,285,379
<i>Nguyên giá</i>	222		840,043,018,546	764,893,969,470
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(341,109,406,300)	(276,616,684,091)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.12	79,121,614,158	62,944,217,450
<i>Nguyên giá</i>	228		81,438,269,366	64,917,368,601
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(2,316,655,208)	(1,973,151,151)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.13	50,534,672,647	14,577,571,890
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
<i>Nguyên giá</i>	241		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		10,000,000,000	-
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.14	-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.15	10,000,000,000	-
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		110,717,286,558	83,496,189,000
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.16	81,889,519,480	55,010,935,960
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.17	6,250,682,424	5,908,168,386
3. Tài sản dài hạn khác	268	V.18	22,577,084,654	22,577,084,654
VI. Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		2,988,067,129,273	2,407,619,588,287

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		1,577,291,473,383	1,100,805,436,737
I. Nợ ngắn hạn	310		1,574,586,182,635	1,039,047,348,989
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.19	1,137,089,267,775	633,578,126,990
2. Phải trả người bán	312	V.20	118,324,990,673	129,537,953,983
3. Người mua trả tiền trước	313	V.21	7,100,821,036	6,850,285,852
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.22	39,250,305,926	33,507,008,178
5. Phải trả người lao động	315	V.23	40,528,759,225	38,523,008,346
6. Chi phí phải trả	316	V.24	15,065,397,336	16,224,971,652
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.25	129,802,895,616	116,642,164,422
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320	V.26	34,000,000,000	34,000,000,000
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.27	53,423,745,048	30,183,829,566
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
II. Nợ dài hạn	330		2,705,290,748	61,758,087,748
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.28	-	58,942,312,000
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336	V.29	2,705,290,748	2,815,775,748
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		1,331,800,470,199	1,243,040,928,148
I. Vốn chủ sở hữu	410		1,331,800,470,199	1,243,040,928,148
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.30	471,512,730,000	471,512,730,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.30	190,492,000,000	190,492,000,000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414	V.30	(36,897,215,355)	(36,897,215,355)
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416	V.30	3,991,224,376	3,991,224,376
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		-	-
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		-	-
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	V.30	702,701,731,178	613,942,189,127
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
C- LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439		78,975,185,691	63,773,223,402
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		2,988,067,129,273	2,407,619,588,287



CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối kỳ	
		Số cuối kỳ	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5. Ngoại tệ các loại:			
Dollar Mỹ (USD)		3,963,818.57	15,136,082.68
Euro (EUR)		299.10	307.06
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-



Nguyễn Thị Kim Đào
Kế toán trưởng

Đồng Tháp, ngày 22 tháng 11 năm 2012



Trương Thị Lệ Khanh
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN VINH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**Quý III/2012**

Mã số	Thuyết minh	CHỈ TIÊU	Quý III/2012		Lấy kể từ đầu năm đến cuối kỳ này	Đơn vị tính: VND
			Năm nay	Năm trước		
01	VL.1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1,163,143,789,004	1,133,295,344,774	3,097,086,341,602	3,000,940,102,696
02	VL.1	Các khoản giảm trừ doanh thu	1,013,175,400	2,261,776,222	1,725,730,643	10,048,370,499
10	VL.1	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	1,162,130,613,604	1,131,033,568,552	3,095,360,610,959	2,990,891,732,197
11	VL.2	Giá vốn hàng bán	1,028,394,693,380	952,457,911,653	2,675,088,901,578	2,453,694,942,663
20		Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	133,735,920,224	178,575,656,899	420,271,709,381	537,196,789,534
21	VL.3	Doanh thu hoạt động tài chính	22,858,603,621	9,968,743,740	50,576,735,151	78,742,804,355
22	VL.4	Chi phí tài chính	13,245,237,034	20,536,554,248	49,105,676,725	78,275,616,812
23		Trong đó: chi phí lãi vay	11,793,140,688	15,941,668,613	42,219,709,219	49,175,508,640
24	VL.5	Chi phí bán hàng	59,355,148,591	45,046,953,215	152,004,910,348	130,429,171,989
25	VL.6	Chi phí quản lý doanh nghiệp	19,375,500,586	17,309,869,381	52,589,318,368	40,929,488,419
30		Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	64,618,637,634	105,651,023,795	217,148,539,091	366,305,316,669
31	VL.7	Thu nhập khác	388,200,091	998,046,592	6,908,635,781	1,419,744,741
32	VL.8	Chi phí khác	184,904,066	282,431,808	1,688,966,835	3,023,380,649
40		Lợi nhuận khác	203,296,025	715,614,784	5,219,668,946	(1,603,635,908)
45		Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết liên doanh	-	-	-	-
50		Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	64,821,933,659	106,366,638,579	222,368,208,037	364,701,680,761
51	V.22	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	12,072,913,889	20,762,973,311	36,185,194,197	63,204,745,269
52	V.17	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	(873,167,438)	1,975,520,178	(342,514,038)	747,164,251
60		Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	53,622,187,208	83,628,145,090	186,525,527,878	300,749,771,241
61		18.1 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	5,118,723,989	331,723,047	19,209,456,289	12,443,709,549
62		18.2 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	48,503,463,219	83,296,422,043	167,316,071,589	288,306,061,692
70	VL.9	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1,056	1,813	3,641	6,274

Công Thành, ngày 22 tháng 11 năm 2012



Trương Thị Lệ Khanh
 Tổng Giám đốc

(Handwritten signature)

Nguyễn Thị Kim Đào
 Kế toán trưởng

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Quý III/2012

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		222,368,208,037	258,335,042,182
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định	02	V.11, V.12	64,836,226,266	40,494,748,573
- Các khoản dự phòng	03	V.8	17,916,891,674	13,351,946,493
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	VI.3, VI.4	-	156,173,310
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.3	(16,749,548,815)	(7,218,210,420)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	42,219,709,219	33,233,840,027
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		330,591,486,381	338,353,540,165
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(83,981,415,917)	(178,577,539,327)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(143,392,208,069)	(77,121,768,869)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		25,273,722,643	(79,009,226,914)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(27,559,019,852)	(22,265,340,254)
- Tiền lãi vay đã trả	13	V.24, VI.4	(43,089,995,681)	(33,233,840,027)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	V.22	(31,615,095,027)	(45,831,034,920)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		2,000,000,000	89,350,000
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(12,416,413,056)	(10,060,795,830)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		15,811,061,422	(107,656,655,976)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.11, V.12, V.13	(150,282,089,353)	(51,006,832,780)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	14,979,459
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(661,010,123,274)	(37,113,065,763)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		138,500,000,000	2,704,837,567
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	V.5, VI.4	11,469,100,148	8,731,241,230
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(661,323,112,479)	(76,668,840,287)

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

CHI TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	(5,487,904,737)
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	V.19	2,710,564,146,625	1,004,862,841,234
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	V.19, V.28	(2,265,995,317,840)	(875,933,541,296)
5. Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(50,422,058,000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		394,146,770,785	123,441,395,201
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(251,365,280,272)	(60,884,101,062)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	329,424,956,877	126,419,394,330
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	746,414,897
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1	78,059,676,605	66,281,708,165



Nguyễn Thị Kim Đào
Kế toán trưởng



Trương Thị Lệ Khanh
Tổng Giám đốc



Đồng Tháp, ngày 22 tháng 11 năm 2012

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

BẢN THUYẾT MINH

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Báo cáo tài chính hợp nhất 9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 của Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn bao gồm Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn (công ty mẹ) và các công ty con (gọi chung là Tập đoàn).

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA TẬP ĐOÀN

- Hình thức sở hữu vốn của Công ty mẹ** : Công ty cổ phần.
- Lĩnh vực kinh doanh** : Sản xuất - chế biến, thương mại.
- Ngành nghề kinh doanh** : Nuôi trồng, đánh bắt, chế biến, bảo quản thủy hải sản và các sản phẩm từ thủy hải sản; Mua bán thủy hải sản; mua bán máy móc thiết bị, hóa chất, nông sản thực phẩm, súc sản, nguyên vật liệu phục vụ sản xuất, chế biến thủy hải sản, chế biến thức ăn thủy hải sản; Sản xuất và mua bán thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản, thuốc thú y thủy sản; Các dịch vụ thú y thủy sản (tư vấn sử dụng thuốc, thức ăn và kỹ thuật nuôi trồng thủy sản); Kinh doanh dịch vụ du lịch sinh thái; Sản xuất bao bì giấy, in các loại; Xây dựng nhà các loại, kinh doanh bất động sản.
- Tổng số các công ty con** : 04
Trong đó:
Số lượng các công ty con được hợp nhất : 04

5. Danh sách các công ty con được hợp nhất

<i>Tên công ty</i>	<i>Địa chỉ trụ sở chính</i>	<i>Tỷ lệ lợi ích</i>	<i>Tỷ lệ quyền biểu quyết</i>
Công ty cổ phần thức ăn thủy sản Vĩnh Hoàn 1	Quốc lộ 30, Cụm công nghiệp Thanh Bình, huyện Thanh Bình, Tỉnh Đồng Tháp.	69,95%	69,95%
Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn (Hoa Kỳ)	No. 2, Mahogany Drive, Irvine, California 92620, Hoa Kỳ.	100,00%	100,00%
Công ty TNHH lương thực Vĩnh Hoàn 2	Áp Tân An, xã Bình Thạnh Trung, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp.	99,13%	99,13%
Công ty TNHH lương thực Vĩnh Hoàn 3	Cụm công nghiệp Trường Xuân, ấp 4, xã Trường Xuân, huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp.	90%	90%

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày theo Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo hướng dẫn của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Các Công ty trong Tập đoàn sử dụng hình thức nhật ký chung.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn (công ty mẹ) và các công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi đánh giá quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng hiện đang có hiệu lực hay sẽ được chuyển đổi.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất độ từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ khi

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần lợi nhuận và tài sản thuần của công ty con không nắm giữ bởi các cổ đông của công ty mẹ và được trình bày ở mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và Bảng cân đối kế toán hợp nhất. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Tập đoàn trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

3. Hợp nhất kinh doanh

Việc hợp nhất kinh doanh được kế toán theo phương pháp mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do Tập đoàn phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua cộng với các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản đã mua, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh với phần sở hữu của bên mua Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận của bên bị mua tại ngày mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận của bên bị mua, phần chênh lệch được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ phát sinh nghiệp vụ mua.

Lợi thế thương mại được ghi nhận là tài sản trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong 10 năm.

4. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

5. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

6. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

7. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25
Máy móc và thiết bị	03 - 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	04 - 06
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 06

8. Tài sản thuê hoạt động

Tập đoàn là bên đi thuê

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

9. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Tập đoàn bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ, ... Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không tính khấu hao, quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao theo thời hạn sử dụng.

Phần mềm máy tính

Giá mua của phần mềm máy tính mà không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 04 đến 05 năm.

10. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí trong kỳ. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

11. Chi phí trả trước dài hạn

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí trong năm theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ từ 02 - 06 năm.

Tiền thuê đất

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất Công ty đang sử dụng. Tiền thuê đất được phân bổ theo thời hạn thuê qui định trên hợp đồng thuê đất.

12. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ.

13. Trích lập quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm và bảo hiểm thất nghiệp

Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm được dùng để chi trả trợ cấp thôi việc cho người lao động có thời gian làm việc từ 12 tháng trở lên tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 tại các công ty trong Tập đoàn. Mức trích quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm là 03% quỹ lương làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội và được hạch toán vào chi phí theo hướng dẫn tại Thông tư 82/2003/TT-BTC ngày 14 tháng 8 năm 2003 của Bộ Tài chính. Trường hợp quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm không đủ để chi trợ cấp cho người lao động thôi việc trong năm thì phần chênh lệch thiếu được hạch toán vào chi phí.

Theo Luật bảo hiểm xã hội, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 người sử dụng lao động phải đóng quỹ Bảo hiểm thất nghiệp do cơ quan Bảo hiểm xã hội Việt Nam quản lý với tỷ lệ 01% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của người lao động hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ qui định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp người sử dụng lao động không phải trích lập dự phòng trợ cấp mất việc làm cho thời gian làm việc của người lao động từ ngày 01 tháng 01 năm 2009. Tuy nhiên trợ cấp thôi việc trả cho người lao động đủ điều kiện cho thời gian làm việc trước ngày 01 tháng 01 năm 2009 là mức lương bình quân trong vòng sáu tháng liền kề trước thời điểm thôi việc.

14. Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Tập đoàn có nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra và có khả năng phải thanh toán khoản nợ đó. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc năm tài chính. Nếu ảnh hưởng của thời gian là trọng yếu, dự phòng sẽ được xác định bằng cách chiết khấu số tiền phải bỏ ra trong tương lai để thanh toán nghĩa vụ nợ với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và những rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Khoản tăng lên trong dự phòng do thời gian trôi qua được ghi nhận là chi phí tiền lãi.

15. Nguồn vốn kinh doanh

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông của Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào chỉ tiêu Thặng dư vốn cổ phần.

16. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

17. Trích lập các quỹ

Quỹ khen thưởng, phúc lợi được trích lập theo Nghị quyết Đại hội cổ đông hàng năm.

18. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

19. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được qui đổi theo tỷ giá tại ngày cuối kỳ.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tài sản và nợ phải trả của các cơ sở ở nước ngoài được quy đổi sang VND theo tỷ giá tại ngày cuối kỳ. Các khoản mục trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh được quy đổi sang VND theo tỷ giá bình quân trong kỳ. Chênh lệch tỷ giá từ việc chuyển đổi Báo cáo tài chính của cơ sở ở nước ngoài được ghi nhận vào nguồn vốn chủ sở hữu (chỉ tiêu Chênh lệch tỷ giá hối đoái). Khi thanh lý khoản đầu tư vào cơ sở ở nước ngoài khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái lũy kế liên quan đến cơ sở ở nước ngoài đó được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi tại thời điểm ngày: 31/12/2011 : 20.828 VND/USD
30/9/2012 : 20.828 VND/USD

20. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu cũng như quyền quản lý hàng hóa, thành phẩm đó được chuyển giao cho người mua, và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì doanh thu được ghi nhận căn cứ vào tỷ lệ dịch vụ hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

21. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong kỳ được trình bày ở thuyết minh số VII

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	2.601.816.677	2.262.458.395
Tiền gửi ngân hàng	75.457.859.928	304.562.498.482
Tiền đang chuyển	-	6.100.000.000
Các khoản tương đương tiền	-	16.500.000.000
Cộng	<u>78.059.676.605</u>	<u>329.424.956.877</u>

2. Đầu tư ngắn hạn

Tiền gửi có kỳ hạn từ 03 tháng đến dưới 01 năm.

3. Phải thu khách hàng

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tại Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn	212.937.968.440	199.968.042.605
Tại Công ty cổ phần thức ăn thủy sản Vĩnh Hoàn 1	62.141.884.973	13.167.335.726
Tại Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn (Hoa Kỳ)	232.550.060.482	272.172.389.152
Tại Công ty TNHH lương thực Vĩnh Hoàn 2	396.385.000	-
Cộng	<u>508.026.298.895</u>	<u>485.307.767.483</u>

Một số khoản phải thu trị giá 45 tỷ đồng đã được dùng để đảm bảo cho khoản vay của Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam).

4. Trả trước người bán

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tại Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn	97.015.535.468	60.475.846.820
Tại Công ty cổ phần thức ăn thủy sản Vĩnh Hoàn 1	2.795.228.526	2.257.799.138
Tại Công ty TNHH lương thực Vĩnh Hoàn 3	302.000.000	-
Tại Công ty TNHH lương thực Vĩnh Hoàn 2	14.390.512.490	11.809.278.546
Cộng	<u>114.503.276.484</u>	<u>74.542.924.504</u>

5. Các khoản phải thu khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Lãi tiền gửi có kỳ hạn phải thu	6.206.648.667	-
Công ty cổ phần thực phẩm xuất khẩu Vạn Đức - tiền ủy thác xuất khẩu	-	4.823.682.529
Các khoản phải thu khác	1.476.527.460	1.497.706.023
Cộng	<u>7.683.176.127</u>	<u>6.321.388.552</u>

6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

Khoản dự phòng phải thu khó đòi tại Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn (Hoa Kỳ).

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

7. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Hàng mua đang đi đường	1.927.107.490	19.450.224.909
Nguyên liệu, vật liệu	164.961.566.318	126.938.625.860
Công cụ, dụng cụ	4.166.996.456	3.107.842.478
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	305.287.316.770	321.343.498.323
Thành phẩm	533.779.465.026	353.505.848.292
Hàng hóa	477.862.618	63.204.912
Hàng gửi đi bán	-	44.343.127.443
Cộng	<u>1.010.600.314.678</u>	<u>868.752.372.217</u>

Một số nguyên vật liệu và thành phẩm trị giá 252.624.000.000 VND đã được dùng để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam) và Ngân hàng Natixis – Chi nhánh tại TP. Hồ Chí Minh.

8. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá thành phẩm tồn kho.

Tình hình biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

Số đầu năm	45.495.942.958
Trích lập dự phòng bổ sung	17.916.891.674
Số cuối kỳ	<u>63.412.834.632</u>

9. Chi phí trả trước ngắn hạn

Số đầu kỳ	1.211.599.259
Tăng trong kỳ	3.626.295.985
Kết chuyển vào chi phí trong kỳ	(1.825.935.155)
Số cuối kỳ	<u>3.008.960.089</u>

10. Tài sản ngắn hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tạm ứng	40.254.368.322	25.174.915.795
Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	3.342.419.600	2.142.419.600
Cộng	<u>43.596.787.922</u>	<u>27.317.335.395</u>

11. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	<u>Nhà cửa, vật kiến trúc</u>	<u>Máy móc và thiết bị</u>	<u>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</u>	<u>Thiết bị, dụng cụ quản lý</u>	<u>Cộng</u>
Nguyên giá					
Số đầu năm	279.636.145.479	462.232.282.958	20.483.720.671	2.541.820.362	764.893.969.470
Tăng trong kỳ	36.068.939.819	31.940.739.240	6.458.628.630	680.741.387	75.149.049.076
Mua sắm mới	10.662.452.402	31.246.753.416	6.458.628.630	680.741.387	48.412.909.017
Đầu tư xây dựng hoàn thành	26.042.154.235	693.985.824	-	-	26.736.140.059
Số cuối kỳ	<u>315.705.085.298</u>	<u>494.173.022.198</u>	<u>26.942.349.301</u>	<u>3.222.561.749</u>	<u>840.043.018.546</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	55.628.837.243	210.628.514.737	8.748.851.359	1.610.480.752	276.616.684.091
Khấu hao trong kỳ	15.571.922.507	45.812.533.003	2.666.974.168	441.292.531	64.492.722.209
Số cuối kỳ	71.200.759.750	256.441.047.740	11.415.825.527	2.051.773.283	341.109.406.300
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	224.007.308.236	251.603.768.221	11.734.869.312	931.339.610	488.277.285.379
Số cuối kỳ	244.504.325.548	237.731.974.458	15.526.523.774	1.170.788.466	498.933.612.246

Một số tài sản cố định hữu hình có nguyên giá 306.348.338.881 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng.

12. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	64.168.072.801	749.295.800	64.917.368.601
Mua trong kỳ	13.625.491.700	135.000.000	13.760.491.700
Đầu tư xây dựng hoàn thành	2.760.409.065	-	2.760.409.065
Số cuối kỳ	80.553.973.566	884.295.800	81.438.269.366
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	1.376.371.729	596.779.422	1.973.151.151
Khấu hao trong kỳ	286.396.056	57.108.001	343.504.057
Số cuối kỳ	1.662.767.785	653.887.423	2.316.655.208
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	62.791.701.072	152.516.378	62.944.217.450
Số cuối kỳ	78.891.205.781	230.408.377	79.121.614.158

Một số tài sản cố định vô hình có nguyên giá 14.067.767.850 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng.

13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong kỳ	Kết chuyển vào TSCĐ trong kỳ	Số cuối kỳ
Mua sắm TSCĐ	177.929.688	5.548.587.821	(2.751.910.875)	2.974.606.634
Xây dựng cơ bản dở dang	14.399.642.202	62.545.300.926	(29.384.877.115)	47.560.066.013
Chi phí đào ao nuôi cá	5.211.443.396	16.608.544.594	(12.703.746.743)	9.116.241.247
Nhà xưởng Công ty TNHH Vĩnh Hoàn 2	4.079.104.774	6.454.545.455	(10.533.650.229)	-
Kho trữ lúa	-	12.500.000.000	-	12.500.000.000
Dây chuyển sấy lúa	-	19.278.129.486	-	19.278.129.486

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong kỳ	Kết chuyển vào TSCĐ trong kỳ	Số cuối kỳ
<i>Các công trình khác</i>	5.109.094.032	7.704.081.391	(6.147.480.143)	6.665.695.280
Cộng	14.577.571.890	68.093.888.747	(32.136.787.990)	50.534.672.647

14. Đầu tư vào công ty con

Tên công ty	Hoạt động chính	Vốn điều lệ	Tỷ lệ lợi ích và quyền biểu quyết	
			Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty cổ phần thức ăn thủy sản Vĩnh Hoàn 1 ⁽ⁱ⁾	Sản xuất và kinh doanh thức ăn thủy sản	100.000.000.000 VND	69,95%	69,95%
Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn (Hoa Kỳ) ⁽ⁱⁱ⁾	Kinh doanh mặt hàng thủy sản	499,912.00 USD	100%	100%
Công ty TNHH lương thực Vĩnh Hoàn 2 ⁽ⁱⁱⁱ⁾	Kinh doanh các mặt hàng lương thực	50.000.000.000 VND	99,13%	99,13%
Công ty TNHH lương thực Vĩnh Hoàn 3 ^(iv)	Kinh doanh các mặt hàng lương thực	80.000.000.000 VND	90%	90%

(i) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5103000070 ngày 04 tháng 4 năm 2008 và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi số 1400604953 ngày 21 tháng 05 năm 2012 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Tháp cấp, vốn góp của Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn vào Công ty cổ phần thức ăn thủy sản Vĩnh Hoàn 1 là 69.950.040.000 VND, tương đương 69,95% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn đã đầu tư 69.453.749.913 VND, tương đương 69,80% vốn điều lệ. Vốn điều lệ còn phải đầu tư vào Công ty cổ phần thức ăn thủy sản Vĩnh Hoàn 1 là 496.290.494 VND.

(ii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 34473 ngày 19 tháng 01 năm 2007 và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi số BUS09-03694 ngày 30 tháng 11 năm 2009 do Bang California, Hoa Kỳ cấp, Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn đầu tư vào Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn (Hoa Kỳ) 100% vốn điều lệ với số tiền là USD 499,912.00.

(iii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1401420853 ngày 27 tháng 7 năm 2011 và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi ngày 17 tháng 4 năm 2012 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Tháp cấp, vốn góp của Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn vào Công ty TNHH lương thực Vĩnh Hoàn 2 là 79.300.000.000 VND, tương đương 99,13% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn đã đầu tư 79.300.000.000 VND.

(iv) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1401493918 ngày 21 tháng 9 năm 2011 và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi ngày 17 tháng 4 năm 2012 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Tháp cấp, vốn góp của Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn vào Công ty TNHH lương thực Vĩnh Hoàn 3 là 72.000.000.000 VND, tương đương 90% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn đã đầu tư 302.000.000 VND. Vốn điều lệ còn phải đầu tư vào Công ty TNHH lương thực Vĩnh Hoàn 3 là 71.698.000.000 VND.

Trong năm 2012 Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn đã thành lập các Công ty con: Công ty TNHH một thành viên Vĩnh Hoàn 4 (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 140171196 ngày 05 tháng 4 năm 2012) và Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn Collagen 5 (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1401587429 ngày 02 tháng 12 năm 2011). Ngoài ra, Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn cũng quyết định thành lập con là Công ty TNHH một thành viên Vĩnh Hoàn Green Farm.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

15. Đầu tư dài hạn khác

Đầu tư vốn sản xuất cá giống cung cấp cho Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn.

16. Chi phí trả trước dài hạn

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tăng trong kỳ</u>	<u>Phân bổ vào chi phí trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Công cụ, dụng cụ và chi phí khác	43.086.751.330	37.423.940.060	(9.084.244.520)	71.426.446.870
Tiền thuê đất	11.924.184.630	435.152.020	(1.896.264.040)	10.463.072.610
Cộng	55.010.935.960	37.859.092.080	(10.980.508.560)	81.889.519.480

17. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ. Chi tiết phát sinh trong kỳ như sau:

Số đầu năm	5.908.168.386
Phát sinh trong kỳ	342.514.038
Số cuối kỳ	6.250.682.424

18. Tài sản dài hạn khác

Các khoản ký quỹ, ký cược dài hạn.

19. Vay và nợ ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay ngắn hạn ngân hàng	1.137.089.267.775	627.278.126.990
- Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam) ^(a)	55.564.267.561	19.616.660.608
- Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh ^(b)	1.003.508.406.801	413.791.466.382
- Ngân hàng phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đồng Tháp	-	177.370.000.000
- Ngân hàng thương mại cổ phần công thương Việt Nam - Chi nhánh Đồng Tháp	-	16.500.000.000
- Ngân hàng Natixis - Chi nhánh tại TP. Hồ Chí Minh ^(c)	78.016.593.413	-
Vay dài hạn đến hạn trả	-	6.300.000.000
Cộng	1.137.089.267.775	633.578.126.990

(a) Khoản vay Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam) để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp hàng hóa trong kho trị giá 86 tỷ đồng và một số khoản phải thu trị giá 45 tỷ đồng.

(b) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản cố định thuộc phân xưởng 1 và phân xưởng 2.

(c) Khoản vay Ngân hàng Natixis - Chi nhánh tại TP. Hồ Chí Minh để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp một số hàng hóa trong kho trị giá 8 triệu USD và cam kết của Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn sẽ không bán hoặc làm giảm tỷ lệ sở hữu của Công ty cổ

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

phần Vĩnh Hoàn tại Công ty cổ phần thức ăn thủy sản Vĩnh Hoàn 1, cam kết của Bà Trương Thị Lệ Khanh sẽ nắm giữ tỷ lệ sở hữu và quyền quản lý chi phối tại Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ ngắn hạn như sau:

Số đầu năm	633.578.126.990
Số tiền vay phát sinh	2.710.564.146.625
Số tiền vay đã trả	(2.207.053.005.840)
Số cuối kỳ	1.137.089.267.775

20. Phải trả người bán

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tại Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn	81.021.953.818	102.462.910.783
Tại Công ty cổ phần thức ăn thủy sản Vĩnh Hoàn 1	32.821.086.216	25.533.766.826
Tại Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn (Hoa Kỳ)	1.434.018.007	1.541.276.374
Tại Công ty TNHH lương thực Vĩnh Hoàn 2	3.047.932.632	-
Cộng	118.324.990.673	129.537.953.983

21. Người mua trả tiền trước

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tại Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn	5.095.074.888	6.157.619.827
Tại Công ty cổ phần thức ăn thủy sản Vĩnh Hoàn 1	2.005.746.148	692.666.025
Cộng	7.100.821.036	6.850.285.852

22. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số phải nộp trong kỳ</u>	<u>Số đã nộp trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	-	3.101.682.644	(2.359.929.273)	741.753.371
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	433.708	17.163.175.618	(16.980.739.486)	182.869.840
Thuế xuất, nhập khẩu (*)	(608.007.853)	2.156.238.462	(1.973.022.932)	(424.792.323)
Thuế thu nhập doanh nghiệp	31.673.157.273	36.185.194.197	(31.615.095.028)	36.243.256.442
Thuế thu nhập cá nhân	1.833.417.197	3.341.023.404	(3.092.014.328)	2.082.426.273
Thuế nhà đất	-	624.306.644	(660.306.644)	(36.000.000)
Các loại thuế khác	-	9.000.000	(9.000.000)	-
Cộng	32.899.000.325	62.580.620.969	(56.690.107.691)	38.789.513.603

(*) Các khoản thuế nộp thừa được trình bày ở chi tiêu Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước.

Thuế giá trị gia tăng

Các Công ty trong Tập đoàn nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng cho từng mặt hàng như sau:

- Hàng thủy sản xuất khẩu	0%
- Hàng thủy sản sơ chế, phụ phẩm nội tiêu, hàng mua không qua chế biến	5%
- Hàng thủy sản đã qua chế biến nội tiêu, vật tư bao bì, phí ủy thác xuất khẩu	10%

Thuế xuất, nhập khẩu

Các Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp của các Công ty trong Tập đoàn như sau:

- Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 25% trên thu nhập chịu thuế. Riêng đối với hoạt động mở rộng qui mô, nâng cao năng lực sản xuất Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 01 năm kể từ năm bắt đầu kinh doanh có lãi và giảm 50% trong 04 năm tiếp theo.
- Công ty cổ phần thức ăn thủy sản Vĩnh Hoàn 1 có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 15% trên thu nhập chịu thuế trong 12 năm và bằng 25% trong các năm tiếp theo. Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 03 năm kể từ năm bắt đầu kinh doanh có lãi và giảm 50% trong 07 năm tiếp theo.
- Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn (Hoa Kỳ) có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo luật thuế thu nhập của nước Mỹ.

Các loại thuế khác

Các Công ty trong Tập đoàn kê khai và nộp theo qui định.

23. Phải trả người lao động

Lương tháng 6 và khoản trích lương tháng 13 phải trả người lao động.

24. Chi phí phải trả

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí lãi vay	-	870.286.462
Chi phí khác	15.065.397.336	15.354.685.190
Cộng	<u>15.065.397.336</u>	<u>16.224.971.652</u>

25. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Kinh phí công đoàn	3.502.206.538	2.598.818.514
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	2.792.390.922	1.106.300.846
Cổ tức phải trả	96.407.500	58.448.500
Công ty cổ phần thực phẩm xuất khẩu Vạn Đức - tiền hàng nhận ủy thác xuất khẩu	2.199.122.297	2.134.179.135
Công ty TNHH một thành viên chế biến thực phẩm xuất khẩu Vạn Đức Tiền Giang - tiền hàng nhận ủy thác xuất khẩu	119.497.368.757	108.101.129.232
Công ty TNHH một thành viên chế biến thực phẩm xuất khẩu Vạn Đức Tiền Giang - thu hộ tiền hàng	56.700.000	712.250.000
Các khoản phải trả khác	1.658.699.602	1.931.038.195
Cộng	<u>129.802.895.616</u>	<u>116.642.164.422</u>

26. Dự phòng phải trả ngắn hạn

Dự phòng chi phí của vụ kiện chống bán phá giá tại Mỹ liên quan đến POR 7 và POR 8.

27. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Số đầu năm	30.183.829.566
Tăng do trích lập từ lợi nhuận	32.604.006.538

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tăng khác	352.322.000
Chi quỹ trong kỳ	(9.716.413.056)
Số cuối kỳ	53.423.745.048

28. Vay và nợ dài hạn

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ dài hạn:

Số đầu năm	58.942.312.000
Số đã trả trong kỳ	(58.942.312.000)
Số cuối kỳ	-

29. Dự phòng trợ cấp mất việc làm

Số đầu năm	2.815.775.748
Số đã chi trong kỳ	(110.485.000)
Số cuối kỳ	2.705.290.748

30. Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục đính kèm.

Cổ phiếu

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	47.151.273	47.151.273
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	47.151.273	47.151.273
- Cổ phiếu phổ thông	47.151.273	47.151.273
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	1.198.750	1.198.750
- Cổ phiếu phổ thông	1.198.750	1.198.750
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	45.952.523	45.952.523
- Cổ phiếu phổ thông	45.952.523	45.952.523
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

Chênh lệch tỷ giá hối đoái

Chênh lệch tỷ giá phát sinh do chuyển đổi Báo cáo tài chính của Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn (Hoa Kỳ) từ USD sang VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ****1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tổng doanh thu	3.097.086.341.602	3.000.940.102.696
- Doanh thu bán hàng hóa	123.791.161.162	121.153.350.981
- Doanh thu bán thành phẩm	2.498.477.771.665	2.347.915.686.130
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	30.751.817.187	35.177.603.345
- Doanh thu nguyên vật liệu	64.228.243.325	172.876.525.235
- Doanh thu phụ phẩm	379.837.348.263	323.816.937.005
Các khoản giảm trừ doanh thu:	(1.725.730.643)	(10.048.370.499)
- Giám giá hàng bán	(296.621.431)	(161.234.781)
- Hàng bán bị trả lại	(1.429.109.212)	(9.887.135.718)
Doanh thu thuần	3.095.360.610.959	2.990.891.732.197
Trong đó:		
- Doanh thu thuần bán hàng hóa	123.786.814.635	120.066.510.540
- Doanh thu thuần bán thành phẩm	2.496.796.164.385	2.338.954.156.072
- Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ	30.751.817.187	35.177.603.345
- Doanh thu thuần nguyên vật liệu	64.228.243.325	172.876.525.235
- Doanh thu thuần phụ phẩm	379.797.571.427	323.816.937.005

2. Giá vốn hàng bán

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của hàng hóa	92.502.935.429	73.260.399.310
Giá vốn của thành phẩm	2.170.040.483.207	1.950.866.534.291
Giá vốn của nguyên vật liệu	70.079.369.710	163.898.848.896
Giá vốn của phụ phẩm	324.549.221.558	234.083.194.259
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	17.916.891.674	31.585.965.907
Cộng	2.675.088.901.578	2.453.694.942.663

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	11.028.999.765	6.475.727.794
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	554.647.391	482.702.346
Lãi ứng trước tiền hàng		1.295.663.299
Lãi ứng trước tiền mua nguyên liệu	4.115.842.592	1.665.190.018
Lãi bán hàng trả chậm	2.530.906.458	5.256.812.835
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	32.346.338.945	63.566.708.063

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Cộng	50.576.735.151	78.742.804.355
4. Chi phí tài chính	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	42.219.709.219	49.175.508.640
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	6.885.967.506	29.100.108.172
Cộng	49.105.676.725	78.275.616.812
5. Chi phí bán hàng	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên	4.867.963.108	3.447.948.203
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	375.853.263	354.960.550
Chi phí khấu hao tài sản cố định	119.073.873	81.219.023
Chi phí dịch vụ mua ngoài	91.719.808.550	74.202.971.315
Chi phí khác	54.922.211.554	52.342.072.898
Cộng	152.004.910.348	130.429.171.989
6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên	23.854.445.575	16.771.665.844
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	1.017.178.615	1.772.961.417
Chi phí khấu hao TSCĐ	4.877.113.164	3.184.790.727
Thuế, phí và lệ phí	570.894.866	1.223.780.905
Chi phí dự phòng	-	(1.862.502.120)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.490.699.335	3.118.667.482
Chi phí khác	16.778.986.813	16.720.124.164
Cộng	52.589.318.368	40.929.488.419
7. Thu nhập khác	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Thu tiền thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	-	14.979.459
Các khoản nợ không phải trả	5.842.779.195	-
Thu nhập khác	1.065.856.586	1.404.765.282
Cộng	6.908.635.781	1.419.744.741
8. Chi phí khác	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí khác	1.688.966.835	3.009.649.478
Cộng	1.688.966.835	3.023.380.649

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông của Công ty mẹ sở hữu cổ phiếu phổ thông	167.316.071.589	288.306.061.692
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (*)	45.952.523	45.955.326
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	3.641	6.274

(*) Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ được tính như sau:

	Kỳ này
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	45.952.523
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông mua lại	-
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	45.952.523

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

Giao dịch với các bên liên quan

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này
Hội đồng quản trị và Ban điều hành	
Mua nguyên vật liệu	19.058.716.346
Các cá nhân có liên quan	
Mua nguyên vật liệu	27.617.303.420

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Hội đồng quản trị và Ban điều hành	22.745.545.777	19.663.800.251
Các cá nhân có liên quan	-	1.478.594.520
Cộng nợ phải thu	22.745.545.777	21.142.394.771

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Tập đoàn gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty cổ phần thực phẩm xuất khẩu Vạn Đức	Công ty do gia đình Chủ tịch HĐQT tham gia góp vốn thành lập
Công ty TNHH một thành viên chế biến thực phẩm xuất khẩu Vạn Đức Tiền Giang	Công ty con 100% vốn của Công ty cổ phần thực phẩm xuất khẩu Vạn Đức

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Các nghiệp vụ phát sinh trong kỳ giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này
Công ty cổ phần thực phẩm xuất khẩu Vạn Đức	
Mua nguyên liệu, hàng hóa, dịch vụ	12.294.184.671
Bán nguyên liệu, thành phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ	5.738.113.471
Giá trị hàng nhận xuất khẩu ủy thác	12.538.229.809
Giá trị hàng ủy thác xuất khẩu	5.230.522.102
Công ty TNHH một thành viên chế biến thực phẩm xuất khẩu Vạn Đức Tiền Giang	
Mua nguyên liệu, hàng hóa, dịch vụ	64.795.098.672
Bán nguyên liệu, thành phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ	218.194.581.234
Giá trị hàng nhận xuất khẩu ủy thác	444.829.227.271

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, công nợ với các bên liên quan khác như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty cổ phần thực phẩm xuất khẩu Vạn Đức		
Phải thu tiền hàng, tiền hàng ủy thác xuất khẩu	-	4.823.682.529
Công ty TNHH một thành viên chế biến thực phẩm xuất khẩu Vạn Đức Tiền Giang		
Phải thu tiền hàng và phí ủy thác xuất khẩu	36.082.279.884	163.276.785
Cộng nợ phải thu	36.082.279.884	4.986.959.314
Công ty cổ phần thực phẩm xuất khẩu Vạn Đức		
Phải trả tiền hàng nhận ủy thác xuất khẩu	2.199.122.297	2.134.179.135
Phải trả tiền hàng	2.592.442.188	2.692.462.513
Công ty TNHH một thành viên chế biến thực phẩm xuất khẩu Vạn Đức Tiền Giang		
Phải trả tiền hàng nhận ủy thác xuất khẩu	119.497.368.757	108.101.129.232
Phải trả tiền hàng	4.794.730.713	691.236.000
Phải trả tiền thu hộ	56.700.000	712.250.000
Cộng nợ phải trả	129.140.363.955	114.331.256.880

Đồng Tháp, ngày 22 tháng 11 năm 2012



Nguyễn Thị Kim Đào
Kế toán trưởng



Trương Thị Lệ Khanh
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Phụ lục: Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	471,512,730,000	191,808,000,000	(32,725,310,618)	1,799,344,642	136,774,604	303,469,424,380	936,000,963,008 (1,316,000,000)
Chi phí phát hành cổ phiếu	-	(1,316,000,000)	-	-	-	-	(4,171,904,737)
Mua lại cổ phiếu đã phát hành	-	-	(4,171,904,737)	-	-	-	394,342,950,535
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	-	-	394,342,950,535	(20,224,516,927)
Trích quỹ trong năm trước	-	-	-	-	-	(20,224,516,927)	-
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp các năm trước	-	-	-	-	-	5,283,115,639	5,283,115,639
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	(68,928,784,500)	(68,928,784,500)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh chuyển đổi báo cáo	-	-	-	2,191,879,734	-	-	2,191,879,734
Giảm khác	-	-	-	-	(136,774,604)	-	(136,774,604)
Số dư cuối năm trước	471,512,730,000	190,492,000,000	(36,897,215,355)	3,991,224,376	-	613,942,189,127	1,243,040,928,148
Số dư đầu năm nay	471,512,730,000	190,492,000,000	(36,897,215,355)	3,991,224,376	-	613,942,189,127	1,243,040,928,148
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	-	167,316,071,589	167,316,071,589
Trích quỹ trong kỳ	-	-	-	-	-	(32,604,006,538)	(32,604,006,538)
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	(45,952,523,000)	(45,952,523,000)
Số dư cuối kỳ	471,512,730,000	190,492,000,000	(36,897,215,355)	3,991,224,376	-	702,701,731,178	1,331,800,470,199

Đồng Tháp, ngày 22 tháng 11 năm 2012

Nguyễn Thị Kim Đào
Kế toán trưởng



Trương Thị Lệ Khanh
Tổng Giám đốc